TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **77**/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 05/02/2024
"V/v tranh chấp: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Đào Thị Hồng Lý.***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông ***Nguyễn Đình Hiền.***

2. Ông ***Nguyễn Văn Thông.***

- Thư ký phiên tòa: Ông ***Nguyễn C Hiệp*** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông ***Đào Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 922/2023/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐ-HPT ngày 31/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ***Chị Bạch Thị M*** - sinh năm 1992; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi ĐKHKTT và hiện trú tại: số 5, ngách 77/28, Tổ dân phố 1 N T, phường Đ M, quận N T L, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- Bị đơn: ***Anh Lê Văn C*** - sinh năm 1991; Nghề nghiệp: Nhân viên bán vé xe buýt; Nơi ĐKHKTT và hiện trú tại: số 5, ngõ 58, đường N L, Tổ 6, phường Y N, quận H Đ, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bạch Thị M trình bày:

* *Về tình cảm*: Chị M và anh Lê Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội vào ngày 25/01/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung

sống tại số 5, ngõ 58, đường Nghĩa Lộ, Tổ 6, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, cách sống, lối sống không tìm được tiếng nói chung. Trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, bạo lực gia đình, anh C thường xuyên đánh chị M. Sau mâu thuẫn vợ chồng và gia đình nội ngoại đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng đều không có kết quả. Vợ chồng chị M đã sống ly thân từ tháng 05/2020 đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, kinh tế riêng biệt.

Đến nay chị M nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, không còn khả năng đoàn tụ. Mặc dù anh C xin hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh C không còn. Vì vậy, chị M đề nghị Tòa án nhân dân quận Hà Đông giải quyết cho chị M được ly hôn với anh Lê Văn C.

* *Về con chung*: Chị M và anh C có 01 con chung là Lê Quang V (nam) sinh ngày 30/10/2016. Ly hôn chị M đề nghị Tòa án giao cháu V cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị M tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng cho cháu V là 3.000.000 đồng/tháng.

* *Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản)*: Không có tài sản chung, ly hôn chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

* *Về nợ*: Quá trình chung sống vợ chồng chúng chị M không có khoản vay nợ nào chung, ly hôn chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

Bị đơn là anh Lê Văn C trình bày:

* *Về tình cảm*: Anh C và chị Bạch Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội vào ngày 25/01/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống tại số 5, ngõ 58, đường Nghĩa Lộ, Tổ 6, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống thì vợ chồng chung sống hòa bình vui vẻ, không xảy ra mâu thuẫn gì. Bản thân anh C cũng không có nghi ngờ chị M có quan hệ tình cảm với người khác. Anh C không hiểu vì lý do gì mà chị M lại nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn với anh C.

Theo anh C, nguyên nhân Cnh dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, lối sống. Trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã cùng nhau cố gắng khắc phục để vợ chồng về đoàn tụ chung sống nhưng không có kết quả.

Nay chị M xin ly hôn, anh C đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị về đoàn tụ nuôi dạy con cái vì anh C muốn con anh có cả bố, cả mẹ. Và anh C cũng đề nghị Tòa án cho anh C thêm thời gian để anh C về nhà cùng gia đình nội ngoại hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, bản thân anh C cũng tìm mọi biện pháp để cải thiện và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu sau đó mà chị M vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh C xác nhận anh và chị M có 01 con chung là Lê Quang V (nam) sinh ngày 30/10/2016. Do không đồng ý ly hôn, nên anh C cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung.

Còn trường hợp nếu phải ly hôn, chị M đề nghị Tòa án giao cháu V cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng và chị M tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu V là 3.000.000 đồng/tháng, anh C đồng ý.

* *Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản):* Không có tài sản chung, ly hôn anh C xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

* *Về nợ:* Quá trình chung sống vợ chồng anh chị tôi không có khoản vay nợ nào chung, ly hôn anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

Tại phiên Tòa:

* Chị Bạch Thị M trình bày: Chị M vẫn giữ nguyên các ý kiến về việc xin ly hôn, về con chung, về tài sản chung, về nợ như chị đã trình bày ở trên.

* Anh Lê Văn C vẫn giữ nguyên các ý kiến về việc xin ly hôn, về con chung, về tài sản chung, về nợ như anh đã trình bày ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án; các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bạch Thị M có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh Lê Văn C. Anh C có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện trú tại: số 5, ngõ 58, đường Nghĩa Lộ, Tổ 6, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28; 35; 39; 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bạch Thị M. Giải quyết cho chị M được ly hôn với anh Lê Văn C.

2. Về con chung: Xác nhận chị M và anh C có 01 con chung là Lê Quang V (nam) sinh ngày 30/10/2016. Ly hôn, giao cháu Lê Quang V cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị M tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi cháu V là 3.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay thế khác của pháp luật.

Chị Bạch Thị M có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị M và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không xem xét giải quyết.

4. Về nợ: Chị M và anh C đều thống nhất xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có khoản vay nợ nào chung, ly hôn cả chị M và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ. Nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bạch Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị Bạch Thị M có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị và anh Lê Văn C. Anh C có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện trú tại: số 5, ngõ 58, đường Nghĩa Lộ, Tổ 6, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Bạch Thị M và anh Lê Văn C kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội vào ngày 25/01/2016, là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị M trình bày và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, cách sống, lối sống. Trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, bạo lực gia đình, anh C hay đánh chị M.

Sau mâu thuẫn vợ chồng và gia đình nội ngoại đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng đều không có kết quả. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 05/2020 đến nay, quá trình sống ly thân không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, kinh tế riêng biệt.

Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C. Anh C tha thiết đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh về đoàn tụ nuôi dạy con cái, nếu chị M vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị M vẫn cương quyết xin ly hôn anh C. Anh C tha thiết xin đoàn tụ nhưng anh C không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm và hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh C đã xảy ra trong thời gian dài, khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng không có, trong cuộc sống vợ chồng anh C cũng xác nhận có một vài lần đánh chị M nhưng không thường xuyên, mặt khác, giữa vợ chồng cũng không có sự thông cảm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ thực trạng đời sống chung và quan hệ tình cảm của chị M và anh C, việc chị M xin ly hôn anh C là phù hợp với Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: khoản 1 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...". Với điều kiện hoàn cảnh của chị M và anh C thì không thể có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bạch Thị M.

[3]. Về con chung: Chị M và anh C đều thống nhất xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là Lê Quang V (nam) sinh ngày 30/10/2016, hiện cháu V đang ở với anh C, cháu khỏe mạnh, ngoan ngoãn. Ly hôn, chị M đề nghị Tòa án giao cháu V cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị M tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi cháu V là 3.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của con. Mặt khác, bản thân cháu V cũng có nguyện vọng được ở với bố nên giao cháu V cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh thực tế về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung của chị M, anh C, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị M tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi cháu V là 3.000.000 đồng/tháng.

[4]. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị M và anh C thống nhất xác nhận ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nên Tòa không xem xét.

[5]. Về nợ: Chị M và anh C thống nhất xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có khoản vay nợ nào chung, ly hôn cả chị M và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về án phí: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Chị Bạch Thị M và anh Lê Văn C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51; Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bạch Thị M đối với anh Lê Văn C (chị Bạch Thị M được ly hôn anh Lê Văn C).

2. Về con chung: chị M và anh C thống nhất xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là Lê Quang V (nam) sinh ngày 30/10/2016. Ly hôn, giao cháu Lê Quang V cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị M tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi cháu V là 3.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay thế khác của pháp luật.

Chị Bạch Thị M có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): chị M và anh C thống nhất xác nhận ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nên Tòa không xét.

4. Về nợ: chị M và anh C thống nhất xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có khoản vay nợ nào chung, ly hôn cả chị M và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ, nên Tòa không xét.

5. Về án phí: Chị Bạch Thị M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0014754 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: chị Bạch Thị M và anh Lê Văn C có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Cơ quan Thi hành án quận Hà Đông;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Trần Thị Ngọc và anh Nguyễn Bá Hùng kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội vào ngày 23/11/2005, là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Ngọc trình bày thì: Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn nhiều lần. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, cách sống, lối sống. Trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không tìm dược tiếng nói chung. Sau khi có mâu thuẫn giữa vợ chồng thì gia đình hai bên nội ngoại đã nhiều lần nói chuyện để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng đều không có kết quả. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay, không còn chăm sóc quan tâm đến nhau nữa. Ngày 19/10/2023 chị Ngọc và anh Nguyễn Bá Hùng đã thuận tình ký đơn ly hôn và nộp tại Tòa án nhân dân quận Hà Đông. Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết thì anh Hùng thay đổi ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết ly hôn theo đơn thuận tình mà chị Ngọc và anh Hùng đã gửi đến Tòa án. Nay chị Ngọc vẫn cương quyết xin ly hôn anh Hùng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Hùng đến Tòa để lấy lời khai và tiến hành hòa giải để anh Hùng thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như để chị Ngọc, anh Hùng có cơ hội trao đổi, bàn bạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh Hùng vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc anh Hùng cố tình không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa chị Ngọc và anh Hùng, thể hiện anh Hùng cũng không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ngọc và anh Hùng đã xảy ra trong thời gian dài, khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng không có, Cnh bản thân chị Ngọc và anh Hùng cũng đã làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gửi đến Tòa án quận Hà Đông. Tại phiên tòa chị Ngọc vẫn cương quyết xin ly hôn anh Hùng thể hiện hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích của hôn nhân không đạt được. Từ thực trạng đời sống chung và quan hệ tình cảm của chị Ngọc và anh Hùng, việc chị Ngọc xin ly hôn anh Hùng là phù hợp với Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: khoản 1 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...", khoản 2 quy định "Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp…" và tại Điều 21: "Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau". Với điều kiện hoàn cảnh của chị Ngọc và anh Hùng thì không thể có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc.

[3]. Về con chung: Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chị Ngọc và anh Hùng có 02 con chung là cháu Nguyễn Bá Hải Long (nam), sinh ngày 19/8/2006 và Nguyễn Trần Ngọc Ánh (nữ) sinh ngày 18/8/2017, hiện cả hai con là cháu Long và Ánh đang ở với chị Ngọc, các cháu đều khỏe mạnh, ngoan ngoãn. Ly hôn, chị Ngọc xin được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh Hùng phải đóng góp tiền nuôi con.

Xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của con. Mặt khác, cháu Long và Ánh đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Bản thân chị Ngọc có công việc, thu nhập ổn định, có điều kiện để chăm sóc cho cháu Long và Ánh được tốt.

Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin được nuôi cả 02 con của chị Ngọc là phù hợp với hoàn cảnh thực tế về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung của chị Ngọc và anh Hùng, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ngọc không yêu cầu anh Hùng đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Long và Ánh.

[4]. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị Ngọc không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

[5]. Về nợ: Chị Ngọc xác nhận chị và anh Hùng không có khoản vay nợ nào chung, nên không yêu cầu Tòa giải quyết về nợ. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

Quá trình giải quyết vụ án do anh Hùng vắng mặt, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Hùng. Vì vậy, Tòa án không có cơ sở để xem xét về vấn đề tài sản và nợ. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự thì vấn đề tài sản và nợ sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

[6]. Về án phí: Chị Ngọc là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Ngọc và anh Nguyễn Bá Hùng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51; Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc đối với anh Nguyễn Bá Hùng (chị Trần Thị Ngọc được ly hôn anh Nguyễn Bá Hùng).

2. Về con chung: Xác nhận chị Trần Thị Ngọc và anh Nguyễn Bá Hùng có 02 con chung là cháu Nguyễn Bá Hải Long (nam), sinh ngày 19/8/2006 và Nguyễn Trần Ngọc Ánh (nữ) sinh ngày 18/8/2017. Ly hôn, giao cháu Nguyễn Bá Hải Long và Nguyễn Trần Ngọc Ánh cho chị Ngọc trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ngọc không yêu cầu anh Hùng đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hùng cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu hoặc có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh Nguyễn Bá Hùng có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Về nợ: Sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ngọc đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0014513 ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Chị Ngọc đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: chị Trần Thị Ngọc được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Bá Hùng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Cơ quan Thi hành án quận Hà Đông;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**